TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 8 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay
Ông Chu Ngọc Trọng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị H - sinh năm 1988; (Có đơn xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L - sinh năm 1980; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện kết hôn với nhau, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến vợ chồng thường xuyên cải vã. Từ tháng 5/2013 chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị H được giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung, là cháu Phạm Văn Khang L - sinh ngày 11/9/2010. Nay chị H đề nghị giải quyết cho anh L được nuôi dưỡng cháu Khang L và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án. Ngày 26/7/2023 chị H có đơn đề nghị về việc thay đổi thời gian cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi cháu Phạm Văn Khang L thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L nhưng anh không hợp tác với Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh L.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của đương sự và nguyện vọng của cháu Phạm Văn Khang L để giao con theo quy định, cần giao cháu Phạm Văn Khang L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và buộc chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Cao Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố

tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Do bị đơn anh Phạm Văn L có nơi cư trú tại phường Q, thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan; nguyên đơn chị Cao Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị H.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn với nhau được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh L sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để làm việc nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh L không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận, vì thực trạng anh, chị không còn sống với nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Phạm Văn L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung, là Phạm Văn Khang L – sinh ngày 11/9/2010. Nay chị H đề nghị giải quyết cho anh L được nuôi dưỡng cháu Khang L và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Cháu Khang L có nguyện vọng được ở với bố, đây cũng là nguyện

vọng của chị H nên cần giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyện vọng giao con cho anh L nuôi dưỡng của chị H là phù hợp và có căn cứ. Cần giao cháu Phạm Văn Khang L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn là nghĩa vụ chung, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một phần cho bên nuôi con. Tuy nhiên mức cấp dưỡng phải phù hợp đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho con và người cấp dưỡng, chị H có nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi cháu thành niên. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị H nên cần được chấp nhận.

[5].Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng chị Cao Thị H phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Phạm Văn L.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn L;

Về con chung: Giao cháu Phạm Văn Khang L cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Chị H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi cháu thành niên.

Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013604 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Án xử công khai, chị Cao Thị H và anh Phạm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng